

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG.**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 /11/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu H- ơng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thùy Liễu.**

2. Ông **Lê Văn Cư.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Dũng-** Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải D- ơng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D- ơng tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Thu Thanh-** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải D- ơng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông th- ờng vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 312/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/QĐST-HN&GĐ ngày 26/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2018/QĐST-HN&GĐ ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1980.

ĐKKHKT và cư trú: 25/14 TTT, khu 7, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: 130 QT, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nhữ Văn Đ**, sinh năm 1972.

ĐKKHKT và cư trú: 25/14 TTT, khu 7, phường NC, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị T có đơn xin xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T vắng mặt nhưng được thể hiện tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn trình bày:** Chị Nguyễn Thị Phương Th và anh Nhữ Văn Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18/01/2002, tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà tại TK, phường TB, thành phố Hải Dương ở. Sau khoảng 08 tháng vợ chồng chuyển về sinh sống tại số 25/14 TTT, khu 7, phường NC, thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh Đ có đánh chị. Do mâu thuẫn việc anh Đ đánh chị nên chị T và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay và chị T về địa chỉ số 130 phố QT, phường QT, thành phố Hải Dương ở từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân anh Đ không tìm gặp đón chị về ở cùng anh nên ngày 28/01/2018 chị T đã làm đơn xin ly hôn anh Đ tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án vì các con nên chị T rút đơn xin ly hôn anh Đ và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2018. Kể từ khi Tòa án đình chỉ vụ án cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Do vậy chị T lại làm đơn xin ly hôn anh Đ tiếp lần 02. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Bản thân anh Đ nhận giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến làm việc là gây khó khăn cho chị. Chị T xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nhữ Văn Đ có 03 con chung Nhữ Thành Đ, sinh ngày 10/4/2003; Nhữ Nguyệt M, sinh ngày 11/5/2008 và Nhữ Quý L, sinh ngày 09/01/2014, hiện nay 03 con đang ở với chị do chị chăm sóc nuôi dưỡng các con đều ổn định về tư tưởng, yên tâm học tập, phát triển trí tuệ tốt. Con Đ, con M có đơn xin ở với chị T, con L hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị. Khi ly hôn, chị T đề nghị xin được nuôi dưỡng cả 03 con. Kinh tế thu nhập của chị hiện nay chị làm giám đốc công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng ML mức thu nhập 20.000.000đ/tháng nên chị có đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con và chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng có tài sản chung nhà, đất. Tự vợ chồng giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Chị T không có.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công sức:* Tự vợ chồng giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nhữ Văn Đ vắng mặt nh- ng đ- ợc thể hiện:**

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Đ trình bày: anh Đ và chị Nguyễn Thị Phương T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18/01/2002, tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận 16 năm không có mâu thuẫn gì xảy ra trong gia đình, trong gia đình không có bạo lực, tuy nhiên trong công việc kinh doanh kinh tế có phần khó khăn do đó từ tháng 01 năm 2018 đến nay chị T bỏ nhà tại số 25/14 TTT, khu 7, phường NC, thành phố Hải Dương và các con không ở cùng anh Đ. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh còn suy nghĩ thêm và tự chị T giải quyết, anh đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh không có mặt và anh không tham gia.

- *Về con chung*: Anh và chị Nguyễn Thị Phương T có 03 con chung: Nhữ Thành Đ, sinh ngày 10/4/2003; Nhữ Nguyệt M, sinh ngày 11/5/2008 và Nhữ Quý L, sinh ngày 09/01/2014 anh không đồng ý ly hôn nên về con chung anh không có quan điểm.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Về nợ chung, cho vay chung, nợ riêng; Về công sức: Anh Đ không có quan điểm.

Tòa án xác minh tại khu dân cư số 07 phường NC, thành phố Hải Dương thể hiện: Anh Đ và chị T có ĐKHKT và trú tại số 25/14 TTT, khu 7 NC, thành phố Hải Dương. Việc anh Đ và chị T có mâu thuẫn hay không anh chị không báo khu dân cư để hòa giải nên khu dân cư không nắm bắt được. Địa chỉ trên hiện chỉ có anh Đ ở còn chị T và các con không ở địa chỉ trên cùng anh Đ, Chị T có đến báo khu dân cư chị làm đơn xin ly hôn anh Đ và đang được Tòa án thành phố Hải Dương giải quyết vụ án. Nay chị T xin ly hôn anh Đ đại diện khu dân cư và Hội phụ nữ đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì hiện nay chị bị tai nạn không có mặt tại phiên tòa. Anh Đ được tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập nay anh Đ vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Đ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D-ong phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Th- ký phiên tòa, ng-ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr-ớc thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng trình tự quy định của Luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định BLTTDS vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

□p dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Nhữ Văn Đ.

Về con chung: Giao con Nhữ Thành Đ, sinh ngày 10/4/2003 cho anh Nhữ Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con Nhữ Nguyệt M, sinh ngày 11/5/2008 và Nhữ Quý L, sinh ngày 09/01/2014 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị T không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng, công sức: Tự vợ chồng giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nhữ Văn Đ đã đ-ợc triệu tập hợp lệ 02 lần vắng mặt và không có yêu cầu phản tố nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Đoán. Chị Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nhữ Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/01/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian 05 năm(do chị T trình bày) anh Đ (trình bày vợ chồng hòa thuận 16 năm) sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng nhau quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Anh Đ trình bày trong công việc kinh doanh kinh tế có phần khó khăn do đó từ tháng 01/2018 đến nay chị T không sống chung cùng anh tại địa chỉ số 25/14 TTT, khu 7 NC, thành phố Hải Dương, chị T trình bày vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Đ có đánh chị do anh Đ đánh chị nên chị không sống chung cùng anh Đ tại số 25/14 TTT, khu 7 NC, thành phố Hải Dương từ tháng 01/2018 chị về địa chỉ số 130 QT, phường QT, thành phố Hải Dương ở từ đó cho đến nay. Chị và anh Đ sống ly thân, anh Đ không tìm gặp đón chị về ở cùng anh nên ngày 28/01/2018 chị T đã làm đơn xin ly hôn anh Đ tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương. Quá trình giải quyết vụ án vì các con nên chị T rút đơn xin ly hôn anh Đ và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Kể từ khi Tòa án đình chỉ vụ án cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Do vậy chị T lại làm đơn xin ly hôn anh Đ tiếp lần 02. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Bản thân anh Đ nhận giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến làm việc là gây khó khăn cho chị. Chị T xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vợ

chồng về đoàn tụ.

Tòa án xác minh tại khu dân cư nơi anh Đ và chị T sinh sống thể hiện việc anh Đ và chị T có mâu thuẫn hay không anh chị không báo khu dân cư để hòa giải nên khu dân cư không nắm bắt được. Hiện chị T và các con không ở địa chỉ trên, anh Đ hiện ở địa chỉ trên. Chị T có đến báo khu dân cư chị làm đơn xin ly hôn anh Đoán và đang được Tòa án thành phố Hải Dương giải quyết vụ án. Nay chị T xin ly hôn anh Đ đại diện khu dân cư và Hội phụ nữ đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên cho thấy chị T và anh Đ tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Chị T và anh Đ sống ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay đã chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng. Chị T làm đơn ly hôn anh Đ sau đó rút đơn ly hôn, Tòa án đình chỉ vụ án. Anh Đ có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân anh Đ không có biện pháp gì để động viên chị T về sống chung cùng anh, kết hợp việc anh Đ không có mặt khi Tòa án có giấy triệu tập gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ anh Đ không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Việc anh Đ xin đoàn tụ không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận. HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và HĐXX xử cho chị T đ- ợc ly hôn anh Đoán theo Điều 51; Điều 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nhữ Văn Đ có 03 con chung Nhữ Thành Đ, sinh ngày 10/4/2003; Nhữ Nguyệt M, sinh ngày 11/5/2008 và Nhữ Quý L, sinh ngày 09/01/2014, hiện nay 03 con đang ở với chị T. Con Đ, con M có đơn xin ở với chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con điều kiện thu nhập hiện chị làm giám đốc Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng ML mức thu nhập 20.000.000đ/tháng chị đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đ không đồng ý ly hôn nên anh Đ không có quan điểm về nuôi dưỡng con chung.

HĐXX nhận thấy hiện các con do chị T chăm sóc nuôi dưỡng ổn định về tinh thần, học tập, sinh hoạt hàng ngày. Hiện con L còn nhỏ, con Đ, con M có đơn xin ở với chị T. Anh Đ không có quan điểm về nuôi dưỡng con chung. Bản thân chị T có thu nhập ổn định 20.000.000đ/tháng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con như việc ăn, ở học tập ổn định và không làm xáo trộn sinh hoạt của các con nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T tiếp tục giao 03 con Nhữ Thành Đ, sinh ngày 10/4/2003; Nhữ Nguyệt M, sinh ngày 11/5/2008 và Nhữ Quý L, sinh ngày 09/01/2014 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Nếu trường hợp anh Đ, chị T có thay đổi về nuôi dưỡng chăm sóc con chung sau ly hôn thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhà, đất tự vợ chồng giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng: Chị T không có.

Nợ chung, công sức: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T xin ly hôn anh Nhữ Văn Đ.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T đ- ợc ly hôn anh Nhữ Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao con Nhữ Thành Đ, sinh ngày 10/4/2003; Nhữ Nguyệt M, sinh ngày 11/5/2008 và Nhữ Quý L, sinh ngày 09/01/2014 tiếp tục cho chị Nguyễn Thị Phương T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đoán cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Thanh không đ- ợc ngăn cản anh Đ quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Nếu anh Đ và chị T có đơn yêu cầu thay đổi nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết;

4. Về công sức: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Đối trừ 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí số AB/2017/0002367 ngày 08/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Hải Dương; Chị T thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

6. Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nhữ Văn Đ vắng mặt để được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

-VKS TP.Hải Dương;

- Các đương sự;

- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải Dương;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

